

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2025

V/v: “Ly hôn, chia tài sản và nợ chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Bùi Tấn Khoa

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Khánh Dung - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 347/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn, chia tài sản và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 07/TB-TA, ngày 23/12/2024 và thông báo xác lập tư cách tố tụng số: 05/2024/TB-TA, ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lầm Nàm M, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Ông Nguyễn Tài D, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Tài T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình giải quyết thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Năm M trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tài D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1989 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và được hai bên chấp nhận là vợ chồng.

Vợ chồng bà không đi đăng ký kết hôn vì không am hiểu pháp luật.

Cuộc sống chung của vợ chồng sau khi xác lập quan hệ thì hạnh phúc được một thời gian.

Sau đó vợ chồng bà vào thành phố sinh sống làm công nhân, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nguyên nhân ông D đánh đập bà vì ghen tuông vô cớ nhưng vì con nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng.

Tháng 05/2022 vợ chồng về quê ở luôn, khi về thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn ông D ghen tuông và đánh đập bà, nghi ngờ bà lấy tiền để chơi cờ bạc nhưng không có căn cứ.

Tháng 07/2022 ông D lại đánh đập bà, cảm thấy vợ chồng không thể sống chung được nữa nên bà về nhà con ở.

Hiện nay bà và ông D không còn tình cảm do không hiểu nhau và không đồng quan điểm sống.

Xác định mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tài D.

Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Nguyễn Tài T – sinh năm 1990 hiện con đã trưởng thành

Về tài sản chung:

- Diện tích đất 602,5 m² thửa số 51, tờ bản đồ số 124, hình thức sử dụng riêng: trong đó ở nông thôn 400 m², đất trồng cây lâu năm 202,5 m². Trên đất có căn nhà cấp 4 mái lợp tole theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 081590 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 02/11/2017 cho hộ ông Nguyễn Tài D và bà Lâm Năm M đây là tài sản chung do bà và ông D cùng tạo lập trong thời gian sống chung nên yêu cầu chia đôi, hiện nay bà không có chỗ ở nào khác ngoài căn nhà này nên bà M yêu cầu nhận đất và tài sản trên đất hoàn lại chênh lệch tiền cho ông D.

- Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn 420.000.000 đồng đứng tên ông Nguyễn Tài D, số tiền tiết kiệm 420.000.000 đồng có được từ việc chuyển nhượng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích 864m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R261144 cấp ngày 07/8/2001 tên Lâm Năm M với giá là 600.000.000 đồng.

Hiện nay ông D đã rút số tiền tiết kiệm 420.000.000 đồng và đã trả số nợ vay Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn 160.000.000 đồng.

Về nợ chung: Trong quá trình sống chung bà và ông D có vay tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn theo hợp đồng tín dụng số 4805LAV2022 ngày 02/3/2022 số tiền 160.000.000 đồng hiện đã trả hết, không còn nợ chung nên bà rút yêu cầu.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tài D trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lâm Năm M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1989 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và được hai bên chấp nhận là vợ chồng.

Vợ chồng ông không đi đăng ký kết hôn vì không am hiểu pháp luật.

Cuộc sống chung của vợ chồng sau khi xác lập quan hệ thì hạnh phúc được một thời gian.

Sau đó vợ chồng ông vào thành phố sinh sống làm công nhân, cuộc sống chung không phát sinh mâu thuẫn gì, ông có đánh bà M nhưng chỉ một vài cái.

Tháng 05/2022 vợ chồng về quê ở luôn, về nhà thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bà M cờ bạc ông đã nói nhưng không sửa.

Tháng 07/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà M lấy tiền trong túi ông và ông có la bà M nên bà M về nhà con ở.

Hiện nay ông và bà M không còn tình cảm do không hiểu nhau và không đồng quan điểm sống.

Xác định mục đích hôn nhân không đạt nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lâm Năm M.

Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Nguyễn Tài T – sinh năm 1990 hiện con đã trưởng thành

Về tài sản chung:

- Diện tích đất 602,5 m² thửa số 51, tờ bản đồ số 124, hình thức sử dụng riêng: trong đó ở nông thôn 400 m², đất trồng cây lâu năm 202,5 m². Trên đất có căn nhà cấp 4 mái lợp tole. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 081590 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 02/11/2017 cho hộ ông Nguyễn Tài D và bà Lâm Năm M đây là tài sản chung do ông và bà M cùng tạo lập trong thời gian sống chung nên đồng ý chia đôi tài sản trên, giao cho bà M nhận hiện vật và yêu cầu bà M hoàn lại cho ông số tiền 400.000.000 đồng.

- Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn 420.000.000 đồng đứng tên ông, số tiền tiết kiệm 420.000.000 đồng có được từ việc chuyển nhượng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích 864m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R261144 cấp ngày 07/8/2001 tên Lâm Năm M với giá là 600.000.000 đồng. Theo ông nguồn gốc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích 864m² này là ông nhận chuyển nhượng từ tiền ông trúng số và cho bà M đứng tên. Khi chuyển nhượng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích

864m² với giá là 600.000.000 đồng ông đã trích số tiền này mua cho bà M 01 cây vàng và cho rằng đây là tài sản chung nên yêu cầu chia đôi.

Hiện nay ông đã rút số tiền tiết kiệm 420.000.000 đồng và đã trả số nợ vay Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn 160.000.000 đồng, chi tiêu vào việc sửa nhà, hiện ông còn giữ số tiền 170.000.000 đồng.

Về nợ chung: Trong quá trình sống chung ông và bà M có vay tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn theo hợp đồng tín dụng số 4805LAV2022 ngày 02/3/2022 số tiền 160.000.000 đồng hiện đã trả hết, không còn nợ chung.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tài T trình bày:

Nguồn gốc tài sản diện tích đất 602,5 m² thửa số 51, tờ bản đồ số 124, hình thức sử dụng riêng: trong đó ở nông thôn 400 m², đất trồng cây lâu năm 202,5 m². Trên đất có căn nhà cấp 4 mái lợp tole. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 081590 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 02/11/2017 cho hộ ông Nguyễn Tài D và bà Lâm Năm M. Tài sản này do ông D và bà M tạo lập.

Về tài sản của bà M và ông D đang tranh chấp anh không có ý kiến, anh không đóng góp gì vào tài sản này nên không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 244 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật HNGĐ năm 2014 Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Năm M và ông Nguyễn Tài D là vợ chồng.

Về con chung: Con chung Nguyễn Tài T – sinh năm 1990 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung:

- Giao cho bà Lâm Năm M nhận quyền sử dụng đất thửa số 51, tờ bản đồ số 124 Diện tích đất 602,5 m² gồm 400 m² đất thổ cư và 202,5 m² đất trồng cây lâu năm đã được UBND huyện Bắc Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 081590 ngày 02/11/2017 cho hộ ông Nguyễn Tài D và bà Lâm Năm M, trên đất có căn nhà tạm kết cấu vách tol, mái tol, nền gạch Cramie, diện tích xây dựng 84,96m² và 15 cây me đang thời kỳ thu hoạch.

Bà M có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

Bà M có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Tài D số tiền chênh lệch 168.052.836 đồng.

- Ông Nguyễn Tài D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lâm Năm M số tiền tiết kiệm 85.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia đôi số tiền 160.000.000 đồng vay tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn theo hợp đồng tín dụng số 4805LAV2022 ngày 02/3/2022.

Về án phí: Bà Lâm Năm M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định. Ông D chịu án phí chia tài sản chung theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Lâm Năm M có đơn yêu cầu ly hôn, chia tài sản và nợ chung nhưng trong quá trình thụ lý xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, chia tài sản và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại 2 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 là chưa đúng nay xác định lại là quan hệ tranh chấp là ly hôn, chia tài sản và nợ chung khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lâm Năm M và ông Nguyễn Tài D có hộ khẩu thường trú, chỗ ở và tài sản tranh chấp hiện nay tại: Thôn 02, xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lâm Năm M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc

Bình, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tổ tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Năm M, HĐXX nhận thấy: Bà Lâm Năm M và ông Nguyễn Tài D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay, ông bà đã có với nhau 01 con chung là Nguyễn Tài T, sinh năm 1990 mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nhưng bà M và ông D vẫn không đăng ký kết hôn đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ủy ban nhân dân xã Sông Lũy xác nhận bà Lâm Năm M và ông Nguyễn Tài D có chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay bà M yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn và bà M và ông D đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp quy định: Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con, tài sản... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15, Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn thực tế của bà M ông D đến mức trầm trọng, đời sống hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung và cấp Dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tài T – sinh năm 1990 hiện đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung:

- Bà M và ông D đều thống nhất có tài sản chung là diện tích đất 602,5m² thửa số 51, tờ bản đồ số 124, trong đó ở gồm 400 m² đất thổ cư và 202,5 m² đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 081590 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 02/11/2017 cho hộ ông Nguyễn Tài D và bà Lâm Năm M. Trên đất có căn nhà tạm kết cấu vách tol, mái tol, nền gạch Cramie, diện tích xây dựng 84,96m² và 15 cây me đang thời kỳ thu hoạch. Thống nhất giao cho bà M ở và bà M hoàn lại tiền chênh lệch cho ông D, ông D yêu cầu bà M hoàn lại cho ông 400.000.000 đồng. Theo kết quả định giá của Hội đồng giá tài sản ngày 28/4/2023 thì thửa đất số 51 tờ bản đồ số 124 diện tích 602,5m² gồm 400 m² đất thổ cư trị giá 176.400.000 đồng và 202,5 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 16.251.840 đồng; căn nhà tạm kết cấu vách tol, mái tol, nền gạch Cramie, diện tích xây dựng 84,96m² trị giá 87.780.672 đồng và 15 cây me đang thời kỳ thu hoạch trị giá 6.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản 286.432.512 đồng. Bà M không đồng ý với giá ông D đưa ra, yêu cầu và đồng ý sử dụng giá mới theo Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND, ngày 22/12/2024 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc điều chỉnh quyết định số 37/2019/ QĐ-UBND, ngày

20/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận để tính giá trị đối với diện tích 602,5m² gồm 400 m² đất thổ cư và 202,5 m² đất trồng cây lâu năm, sử dụng giá do Hội đồng định giá ngày 28/4/2023 đã định đối với căn nhà và 15 cây me. Giá ông D đưa ra không được bà M chấp nhận nhưng ông D không yêu cầu định giá lại. Bà M yêu cầu sử dụng giá do Hội đồng định giá tài sản đã định và Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND, ngày 22/12/2024 của UBND tỉnh Bình Thuận là có cơ sở chấp nhận. Do đó diện tích 602,5m² gồm 400 m² đất thổ cư trị giá: 400m²x 540.000đ/m²= 216.000.000 đồng và 202,5 m² đất trồng cây lâu năm trị giá: 130.000đ/m²x 202,5m²= 26.325.000 đồng; căn nhà tạm lợp tol diện tích xây dựng 84,96m² trị giá 87.780.672 đồng và 15 cây me đang thời kỳ thu hoạch trị giá 6.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản 336.105.672 đồng. Bà M và ông D đều xác định đây là tài sản chung trong thời kỳ sống chung với nhau. Về công sức đóng góp tạo nên khối tài sản chung, ông D và bà M đều thống nhất có công sức đóng góp như nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung này nên việc bà M yêu cầu chia đôi tài sản là có cơ sở chấp nhận. Tổng giá trị đất, nhà và tài sản trên đất là 336.105.672 đồng, mỗi người được nhận giá trị 168.052.836 đồng, ông D đồng ý giao cho bà M nhận hiện vật là đất và tài sản trên đất, nên bà M có nghĩa vụ hoàn trả cho ông D số tiền chênh lệch là 168.052.836 đồng.

- Bà M và ông D đều xác nhận có số tiền tiết kiệm 420.000.000 đồng tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn. Ông D và bà M xác định số tiền tiết kiệm 420.000.000 đồng có từ việc chuyển nhượng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích 864m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R261144 cấp ngày 07/8/2001 tên Lâm Năm M. Tuy nhiên ông D cho rằng nguồn gốc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích 864m² này là ông nhận chuyển nhượng từ tiền ông trúng số và cho bà M đứng tên. Ngoài lời khai trên thì ông D không có tài liệu nào khác chứng minh đây là tài sản riêng của ông. Bà M cho rằng đây là rằng đây là tài sản chung của bà và ông D có từ việc chuyển nhượng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích 864m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R261144 cấp ngày 07/8/2001 tên Lâm Năm M. Lời khai của bà M phù hợp với tài liệu chứng cứ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R261144 cấp ngày 07/8/2001 tên Lâm Năm M và hợp đồng đặt cọc ngày 26/4/2022 giữa ông Nguyễn Tài D và ông Nguyễn Văn Hùng đối với tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích 864m² với giá là 600.000.000 đồng. Trên cơ sở đó có căn cứ xác định số tiền tiết kiệm 420.000.000 đồng tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn là tài sản chung của bà M và ông D trong thời kỳ sống chung với nhau.

Theo hợp đồng tín dụng số 4805LAV2022 ngày 02/3/2022 thì bà M và ông D có vay tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn số tiền 160.000.000 đồng, do đó bà M và ông D có nghĩa vụ trả khoản nợ này. Hiện ông D đã rút số tiền tiết kiệm 420.000.000 đồng và đã trả số nợ vay Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn, chi tiêu vào việc sửa nhà, hiện còn 170.000.000 đồng. Bà M thống nhất số tiền còn lại là 170.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi số tiền này. Xét đây là tài sản chung của ông D và bà M trong thời

kỳ sống chung với nhau. Nên việc bà M yêu cầu chia đôi số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

Ông D cho rằng khi chuyển nhượng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 15, diện tích 864m² với giá là 600.000.000 đồng ông đã trích số tiền này mua cho bà M 01 cây vàng và cho rằng đây là tài sản chung nên yêu cầu chia đôi. Theo đơn khởi kiện của bà M không yêu cầu giải quyết đối với tài sản này, quá trình giải quyết ông D cũng không có yêu cầu phản tố nên không có cơ sở để giải quyết trong vụ án này. Ông D có quyền khởi kiện yêu cầu chia 01 cây vàng thành một vụ kiện khác.

Về nợ chung: Theo hợp đồng tín dụng số 4805LAV2022 ngày 02/3/2022 thì bà M và ông D có vay tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn số tiền 160.000.000 đồng hiện số nợ này đã trả hết, không còn nợ nên bà M rút yêu cầu. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn không có yêu cầu phản tố nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Lầm Nầm M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 12.652.641 đồng án phí chia tài sản chung theo pháp luật nhưng bà M là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên bà M được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Tài D phải nộp 12.652.641 đồng án phí chia tài sản chung theo pháp luật ông D là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên ông D phải chịu án phí theo quy định tại Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Về chi phí tố tụng: Bà M tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 28/4/2023 với số tiền là 7.350.000 đồng bà M đã nộp đủ số tiền 7.350.000 đồng.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 244, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 1 khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lầm Năm M và ông Nguyễn Tài D là vợ chồng.

Về con chung: 01 con chung là Nguyễn Tài T – sinh năm 1990 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung:

- Giao cho bà Lầm Năm M được sử dụng thửa số 51, tờ bản đồ số 124, diện tích 602,5 m² gồm 400 m² đất thổ cư và 202,5 m² đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 081590 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 02/11/2017 cho hộ ông Nguyễn Tài D và bà Lầm Năm M và quyền sở hữu số tài sản gắn liền với đất gồm căn nhà tạm kết cấu vách tol, mái tol, nền gạch Cramie, diện tích xây dựng 84,96m² và 15 cây me đang thời kỳ thu hoạch. Tổng tài sản trị giá 336.105.672 đồng. Bà M phải hoàn lại cho ông D số tiền 168.052.836 đồng (Một trăm sáu tám triệu không trăm năm hai ngàn tám trăm ba sáu đồng)

Bà M có quyền và nghĩa vụ liên hệ đến các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Tài D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lầm Năm M số tiền tiết kiệm 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia đôi số tiền 160.000.000 đồng vay tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lương Sơn theo hợp đồng tín dụng số 4805LAV2022 ngày 02/3/2022.

Về án phí: Bà Lầm Năm M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chi tài sản chung theo quy định.

Bị đơn ông Nguyễn Tài D phải nộp 12.652.641 đồng án phí chia tài sản chung.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Sông Lũy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thanh Nữ Kiều Oanh